

CHỨC NĂNG LIÊN NHÂN TRONG DIỄN NGÔN LỜI BÀI HÁT *TÌNH CA* CỦA HOÀNG VIỆT

LÊ TRẦN HỮU *

Tóm tắt: Sử dụng phần lời ca khúc “Tình ca” của Hoàng Việt làm ngữ liệu nghiên cứu, bài viết vận dụng lý thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống của K. Halliday để phân tích chức năng liên nhân của ngôn ngữ trong lời bài hát. Cụ thể, thông qua hệ thống Thức với các cú nhận định, cú nghi vấn, cú mệnh lệnh, cú cảm thán cùng với các yếu tố tình thái và các cặp từ xưng hô để thấy được các quan hệ liên nhân mà tác giả muốn thiết lập trong lời bài hát.

Từ khóa: Lời ca khúc, chức năng liên nhân, hệ thống Thức, tình thái, từ xưng hô.

Abstract: The lyrics of the song “Tình ca” (Love song) composed by Hoang Viet are used as the linguistic material for research purposes. Accordingly, the article applies the theory of Systemic Functional Grammar advanced by K. Halliday to analyze the interpersonal function of language in the lyrics. Specifically, on the basis of the Mood system, including the declarative, interrogative, imperative, and exclamative clauses along with the modality elements and pairs of vocative words, the aim of the study is to clarify the implications of the interpersonal relations in the lyrics.

Keywords: The lyrics of the song, interpersonal function, Mood system, modality, vocative words.

1. Đặt vấn đề

Bài *Tình ca* được nhạc sĩ Hoàng Việt sáng tác năm 1957, trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, gia đình bị ly tán. Nỗi nhớ

quê hương, gia đình và niềm tin, khát vọng của ông về tương lai tươi sáng của đất nước được gói gọn trong bài hát. Thời điểm đó, *Tình ca* được dư luận đánh giá là bản tình ca hay nhất lúc bấy giờ. Mặc dù, khi ca khúc mới được phổ biến, nhiều người cho rằng bài hát bi lụy, yếu đuối vì đề cập đến tình yêu đôi lứa trong khi điều kiện lịch sử không cho phép. Nhưng đến nay, hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, bản tình ca “vẫn ngân vang khắp cả nước” như nhà thơ Bảo Định Giang nhận xét, chứng tỏ ca khúc có sự hợp lý, giá trị riêng của nó thì mới có thể tác động, chạm đến trái tim của người tiếp nhận đến ngày nay. Trong phạm vi bài viết, dựa trên quan điểm ngữ pháp chức năng của Halliday, chúng tôi tạm chưa đề cập đến phần nhạc mà chỉ sử dụng phần lời để tìm hiểu chức năng liên nhân được thể hiện trong bài hát *Tình ca* của Hoàng Việt.

Theo M.A.K. Halliday ngôn ngữ có ba siêu chức năng là: siêu chức năng biểu ý (ideational metafunction), siêu chức năng liên nhân (interpersonal metafunction) và siêu chức năng tạo văn bản (textual metafunction). Trong đó, chức năng liên nhân thể hiện tất cả các việc sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt các mối quan hệ xã hội và

* ThS - Khoa Đại cương, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, Email: lthuu@ktkt.edu.vn

các quan hệ cá nhân. Siêu chức năng này được thực hiện thông qua hệ thống thức (mood system) và hệ thống tình thái (modality system). Thức chỉ rõ vai trò của người nói trong việc lựa chọn tình huống nói và vai trò người nói ấn định cho người nghe. Tùy thuộc vào mục đích của người nói có thể lựa chọn cho mình vai trò ra lệnh, mời, đề nghị,... và đặt người tiếp nhận diễn ngôn vào vai tuân lệnh, thực hiện lời đề nghị. Còn các yếu tố tình thái định rõ người nói thể hiện sự đánh giá hoặc phán đoán của mình. Cấu trúc Thức (mood structures) gồm hai phần: Thức (mood) và Dư (residue). Như vậy, để tìm hiểu chức năng của ngôn ngữ trên bình diện liên nhân, chúng tôi sẽ phân tích diễn ngôn lời bài hát *Tình ca* qua hệ thống Thức, các yếu tố tình thái bao gồm cả các cặp từ xung hô trong bài hát.

2. Sự thể hiện chức năng liên nhân trong diễn ngôn lời bài hát “Tình ca” của Hoàng Việt

2.1. Chức năng liên nhân được thể hiện qua hệ thống Thức trong diễn ngôn lời bài hát “Tình ca” của Hoàng Việt

Trên bình diện liên nhân, cú được xem là đơn vị dùng để trao đổi, để tạo ra tương tác, bày tỏ thái độ, vị thế của người tạo lập và người tiếp nhận diễn ngôn. Căn cứ vào mục đích của người tạo lập diễn ngôn, cú được chia thành bốn loại: cú nhận định, cú nghi vấn, cú mệnh lệnh và cú cảm thán.

a. Cú nhận định

Cú nhận định (statement) thường xuất hiện ở ngay những câu đầu tiên của bài hát để thể hiện sức mạnh, niềm tin và lập trường vững chắc của chủ thể trữ tình trong tình yêu quê hương và tình yêu đôi lứa. Lấy “tiếng ca” làm phương tiện, tác giả đã đưa ra những nhận định hết sức chắc chắn:

Ta	át	tiếng gió mưa thét gào cuộn dâng phong ba
Tiếng ca	(đời đời) chung thủy thiết tha	
Bến nước Cửu Long	còn	đó em ơi!
Bãi lúa nuơng dâu	còn	mãi muôn đời
Là còn duyên tình ta	thắm	trong tiếng ca không thể xóa nhòa
Chủ ngữ	Vị ngữ	Bổ ngữ
Thức		Dư

Trong hoàn cảnh chiến tranh đang diễn ra ác liệt, mỗi một cú nhận định với thành phần thức và dư được tác giả sử dụng không chỉ là sự khẳng định, tự động viên chính mình mà quan trọng hơn là tạo được niềm tin ở nơi người tiếp nhận diễn ngôn. Đó là niềm tin về sức mạnh tinh thần, ý chí chiến đấu của những người chiến sĩ có thể “át tiếng gió mưa”; là khẳng định giữ vững quan điểm, tư tưởng, tình cảm của người chiến sĩ với Tổ quốc “đời đời chung thủy”; đó còn là niềm tin tuyệt đối vào sự độc lập, tự do, sự trường tồn vĩnh cửu của đất nước. Dễ nhận thấy, tác giả đã có chủ ý lựa chọn ba hình ảnh biểu trưng cho đất nước Việt Nam là “bến nước, bãi lúa, nuơng dâu” để bày tỏ sự tin tưởng vào tương lai của đất nước cũng như một sự đảm bảo về sự an toàn bền vững cho quê hương. Và cuối cùng là nhắc đến lời thề hứa, khẳng định tình yêu chung thủy của những người lính phải xa gia đình “duyên tình ta với bao tiếng ca không thể xóa nhòa”. Bên cạnh đó, trật tự sắp xếp các cú nhận định cũng bộc lộ tư tưởng, mục đích của tác giả. Tác giả đã không đi theo lối mòn tư duy bấy giờ là mọi thứ phải hướng tới, đề cập đến những cái “ta” - mang tính cộng đồng rồi mới được nói đến cái “tôi” - tình cảm cá nhân. Bất

đầu từ chính những tình cảm riêng tư, từ những rung động của trái tim, cảm xúc của người chiến sĩ xa vợ con, xa gia đình, tác giả mới mở rộng đến cái chung - tình yêu với đất nước. Vì vậy, người tiếp nhận lời bài hát “Tình ca” vẫn nhận thấy được cả cái “tôi” cá nhân của tình yêu đôi lứa đã được bao trùm, quện chặt không thể tách rời với cả cái “ta”, với một tình yêu lớn hơn là tình yêu quê hương, đất nước.

b. Cú nghi vấn

Cú nghi vấn là một trong những dạng cú tiêu biểu trong cấu trúc Thức trên bình diện nghĩa liên nhân. Halliday [4] cho rằng, chức năng điển hình của cú nghi vấn là để hỏi; và từ quan điểm của người nói, hỏi là một biểu hiện chỉ ra rằng người hỏi muốn được trả lời điều gì đó. Có ba kiểu câu hỏi chính: kiểu thứ nhất, người nói muốn biết về một trong hai khả năng: có hay không?; kiểu thứ hai, câu hỏi chính danh, người nói muốn nhận diện một thành phần nào đó trong nội dung được đưa ra và kiểu thứ ba, câu hỏi tu từ.

Trong lời bài hát, tác giả có sử dụng kiểu cú nghi vấn nhưng chỉ là kiểu câu hỏi tu từ với mục đích không phải để đi tìm câu trả lời mà chỉ mong muốn nhận được sự đồng tình, để khẳng định một nhận định hay kêu gọi hành động. Xem xét trong toàn bộ ca khúc, cú nghi vấn được tác giả sử dụng hai lần với hai mục đích khác nhau.

Em ơi	<i>nghe chăng</i>	lời trái tim vọng ra
Em	<i>có nghe</i>	tiếng ca chứa đựng hận thù sâu xa
Chủ ngữ	Phụ ngữ	Vị ngữ
Thức		Du

Lựa chọn hình thức cú nghi vấn với từ xưng hô “em”, tác giả đã tạo ra mối quan hệ thân mật, gần gũi để người nghe phải tập trung vào câu hỏi, từ đó tác giả lần lượt bộc

lộ cảm xúc và đưa ra những nhận định. Ở cú thứ nhất, cụm từ “nghe chăng” được dùng để khẳng định sức mạnh của “tiếng ca”, sức mạnh đó vượt qua không gian, vượt qua mọi trở ngại, thử thách của cuộc đời, dù lớn như núi, cao như mây hay rộng như biển. Đồng thời, trong cú thứ nhất có sử dụng các động từ: *run*, *sôi* càng làm gia tăng thêm sự tác động mạnh mẽ đến cảm nhận của người nghe. Ở cú thứ hai, cụm từ “có nghe” dùng để giải thích, bày tỏ cho người nghe hiểu về ý nghĩa của tiếng ca. Tiếng ca ấy chính là sự hận thù chiến tranh, căm phẫn trước sự tàn ác của kẻ thù; là sự thủy chung của những đôi lứa yêu nhau trong hoàn cảnh chia cách; và cả niềm hân hoan, khát vọng về ngày thống nhất đất nước, thời khắc vui sướng khi được đoàn tụ với những người yêu thương.

c. Cú cầu khiến

Cú cầu khiến phân biệt với cú nhận định qua hệ thống ngôi. Cú cầu khiến là thức nhằm đưa yêu cầu trao đổi hàng hóa, thông tin hoặc dịch vụ nên chủ ngữ của nó là ở ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai. Ngoài ra, trong tiếng Việt, cú cầu khiến thường có dấu hiệu hình thức là lớp phụ từ chỉ bổ phận như: *hãy*, *buộc*, *buộc phải*, *phải*,... Có thể chia thành hai tiểu loại cầu khiến là cầu khiến mệnh lệnh và cầu khiến mong muốn. Trong bài “Tình ca”, cú cầu khiến được sử dụng với tần suất cao nhất, trong đó có sử dụng phụ từ “hãy” và chủ ngữ là từ xưng hô ở ngôi một, ngôi hai hoặc khuyết chủ ngữ. Trong đó, ngôi một là “ta”, ngôi hai là “em” và hình thức vô nhân xưng được ngầm hiểu là “chúng ta”.

Việc sử dụng cú cầu khiến với chủ ngữ là từ xưng hô ở ngôi hai “em” và phụ từ “hãy”, chủ thể diễn ngôn đã không tạo ra không khí liên nhân nặng nề, áp đặt như

Em	<i>hãy</i>	<i>ngước mắt lên vui nhìn trời xanh quê ta</i>
Em	<i>hãy</i>	<i>nở nụ cười tươi xinh</i>
		<i>nói nhau nghìn lời qua đôi mắt xanh</i>
Ta		<i>hát chung tiếng ca vang dội từ phương xa xua kẻ thù đi mau, dập tắt chiến tranh đập tan ngay bao đau khổ và chia ly giữ lấy đức tin bền vững em ơi giữ lấy trái tim đời sống yêu đời</i>
Chủ ngữ	Phụ ngữ	Vị ngữ
Thức		Đr

một mệnh lệnh mà là lời mời gọi tha thiết, đề nghị chân thành khiến người nghe dễ dàng tiếp nhận. Lời yêu cầu nhẹ nhàng, tình cảm nhưng vô cùng kiên định về sự lạc quan, về niềm tin vào tương lai tươi sáng của đất nước. Mặc dù, nhiều cú cầu khiến khiêm khuyết phụ ngữ hoặc chủ ngữ nhưng các động từ “xua, dập tắt, đập tan, giữ” ở phần đr của cú là những yêu cầu, thúc giục phải khẩn trương hành động, phải đoàn kết, chung tay bảo vệ quê hương, đất nước và cả tình yêu của đôi lứa.

d. Cú cảm thán

Ý nghĩa liên nhân trong bài *Tình ca* còn được thể hiện qua các cú cảm thán. Loại cú này dù không nhiều so với cú cầu khiến và các cú khác nhưng được khéo léo lựa chọn một cách phù hợp với chủ đích của tác giả. Cú cảm thán là kiểu cú thể hiện rõ nghĩa liên nhân bởi ở đó cảm xúc, sự đánh giá của chủ thể diễn ngôn với đối tượng tiếp nhận được bộc lộ rõ qua các thán từ.

Em	(...) <i>chim giăng giăng bay ngày nắng xuân đẹp</i>	<i>thay</i>
Chủ ngữ	Vị ngữ	Phụ ngữ
	Đr	
Thức		

Chiến tranh qua đi, tác giả thể hiện niềm hân hoan tốt độ, mở rộng phạm vi quan sát, hướng ánh nhìn lên cao để cảm nhận cảnh vật, đất trời đã trở nên tươi đẹp hơn bao giờ hết (*đẹp thay*). Đồng thời, thể hiện tình cảm thân mật, gần gũi khi dùng từ “*ơi*” đi theo sau từ chỉ đối tượng kêu gọi (*Em ơi*) và ngữ đoạn này được đặt đầu câu “*Em ơi, nghe chăng lời trái tim vọng ra*”; và được đặt ở cuối câu để bày tỏ sự chân thành, tha thiết khi muốn nhấn nhủ, động viên: “*Bên nước Cửu Long còn đó em ơi. Giữ lấy đức tin bền vững em ơi*”.

2.2. Chức năng liên nhân được thể hiện qua hệ thống tình thái trong diễn ngôn lời bài hát “*Tình ca*” của Hoàng Việt

Yếu tố tình thái định rõ người nói thể hiện sự đánh giá hoặc nói ra dự đoán của mình. Trong đó, yếu tố tình thái được chia thành hai loại: tình thái thực hữu và tình thái không thực hữu. Tình thái thực hữu là tình thái người nói xác nhận, đưa ra những cam kết về tính chân thực của nội dung mệnh đề dựa trên những bằng chứng; nói cách khác sự tình ở đây là hiện thực dựa trên suy luận có tính cá nhân như “*chắc chắn, tin chắc, nhất định,...*”. Người nói cho rằng tính chân thực của điều được nói đến không cần bàn cãi. Ngược lại, tình thái không thực hữu là tình thái mà người nói thể hiện nội dung sự tình như là một sự đoán định, nội dung sự tình là một kiến giải chủ quan mà người nói không đảm bảo và không cam kết và tính chân thực như các yếu tố ngôn ngữ “*có thể, có lẽ,...*”.

Trong bài hát, tác giả đã không sử dụng bất cứ yếu tố tình thái không thực hữu nào để đưa ra những đánh giá, nhận định mà chỉ sử dụng các tình thái thực hữu với các ngữ đoạn: *đời đời, còn đó, còn mãi, muôn đời, không thể* để thuyết phục, khẳng định

những nhận định, đánh giá của mình: để khẳng định sự chung thủy (*tiếng ca đời đời chung thủy thiết tha*) hay thể hiện niềm tin tuyệt đối về sự độc lập, tự do và trường tồn của đất nước (*Bến nước Cửu Long còn đó em ơi. Bãi lúa nương dâu còn mãi muôn đời*) và để thể hiện lời thề hứa, sắt son của tình yêu (*là còn duyên ta với bao tiếng ca không thể xóa nhòa*). Tình yêu của đôi lứa cùng với tình yêu quê hương là những tình cảm thiêng liêng, cao quý nhất không thể nghi ngờ hoặc phỏng đoán mà phải là sự khẳng định chắc chắn.

2.3. Chức năng liên nhân được thể hiện qua từ ngữ xưng hô trong diễn ngôn lời bài hát “Tình ca” của Hoàng Việt

Trong câu trúc cú, hô ngữ (vocative) là thành phần nằm ngoài phạm vi của thành phần Thúc và Dự. Tuy nhiên, vị trí của hô ngữ khá linh hoạt có thể nằm ở vị trí đầu hoặc cuối của cú. Các từ xưng hô là yếu tố biểu thị tình thái trong hô ngữ. Theo Đỗ Hữu Châu [1], xưng hô trong tiếng Việt chịu áp lực rất mạnh của quan hệ liên nhân. Việc lựa chọn sử dụng từ xưng hô ở một ngôi nào đó chính là việc thiết lập quan hệ liên nhân mà người nói muốn đạt được nhằm thực hiện mục đích giao tiếp. Trong ca khúc, tác giả đã sử dụng ba cặp từ xưng hô: *em - ta*; *người yêu - ta*; và *anh - em*. Sự lựa chọn này không phải là ngẫu nhiên mà có liên quan mật thiết với mục đích của người nói khi tự xác lập vai trò của mình và ấn định vai trò của người tiếp nhận diễn ngôn.

Ở phần đầu bài hát, tác giả sử dụng hai cặp từ xưng hô: *ta- người yêu* và *ta - em* để thực hiện ý nghĩa liên nhân (*Khi hát lên tiếng ca gửi về người yêu quê ta. Ta át tiếng gió...*). Sử dụng cặp từ xưng hô *ta - người yêu*, tác giả đã muốn xác lập mối quan hệ ngay từ đầu rằng đó không chỉ là tình cảm của cá nhân - cái “tôi” của tác giả

mà là *ta* có thể là *chúng ta*, của tất cả những người chiến sĩ đang xa gia đình, xa quê và gọi *người yêu* - không phải dành riêng cho một cá nhân mà là của tất cả đôi lứa yêu nhau. Trong câu tiếp đó, tác giả mới sử dụng từ xưng hô *em* (*Em ơi nghe chăng lời trái tim vọng ra*) để tạo ra mối quan hệ thật thân thiết, gần gũi nhưng không xưng *anh* mà lại xưng *ta*. Bởi lẽ, khi chiến tranh còn chưa kết thúc, kẻ thù còn đó thì tình yêu đôi lứa là tình yêu dành cho Tổ quốc. Đến phần cuối của bài hát, cặp từ xưng hô *anh - em* mới xuất hiện, vì khi đó đã *Tan con phong ba lòng đất yên rồi đây. Em hãy nở nụ cười tươi xinh như cánh hoa xuân chào riêng anh*. Chiến tranh qua đi, đất nước thống nhất, tình yêu đôi lứa lúc này mới thật sự được trở lại với sự riêng tư trọn vẹn và hạnh phúc cá nhân.

Như vậy, với việc sử dụng các cặp từ xưng hô trong mỗi cú, tác giả đã thể hiện ý nghĩa liên nhân qua việc xác lập các vai trò, vị thế của người tạo lập và tiếp nhận diễn ngôn trong bài hát. Đó là sự đan xen, quện chặt giữa cái ta - cái tôi; giữa tình yêu cá nhân - tình yêu đất nước.

3. Kết luận

Tiếp cận diễn ngôn lời bài hát *Tình ca* của Hoàng Việt trên bình diện nghĩa liên nhân, bài viết đã phân tích các chiến lược sử dụng ngôn ngữ của tác giả thông qua hệ thống Thúc, hệ thống tình thái và các từ ngữ xưng hô. Trong hệ thống Thúc, cú nhận định được xuất hiện đầu tiên để khẳng định sức mạnh, niềm tin tuyệt đối của người chiến sĩ đối với tình yêu đôi lứa và tình yêu đất nước. Cú cầu khiến không phải là những mệnh lệnh nặng nề, áp đặt mà là những lời động viên, mời gọi ân cần, tha thiết hãy cùng nhau đoàn kết chiến đấu, giữ vững niềm tin chiến thắng. Các cú cảm thán, cú nghi vấn không nhằm

mục đích đi tìm câu trả lời, thực chất là “cái cốt” để bày tỏ tình cảm, tinh thần quyết chiến, quyết thắng của người chiến sĩ xa quê. Đồng thời, việc chỉ sử dụng các từ ngữ tình thái thực hữu và cách lựa chọn các cặp xung hô một cách hợp lý, một lần nữa khẳng định tình yêu đôi lứa với tình yêu đất nước đã hòa làm một. Chính tình yêu đó làm nguồn động lực, sức mạnh và niềm tin để người chiến sĩ vượt qua mọi gian khổ, sẵn sàng hy sinh cả tính mạng để bảo vệ. Do vậy, bài hát *Tình ca* nói riêng và các ca khúc cách mạng nói chung, đã tìm được sự đồng cảm của người nghe, có sức lan tỏa rộng lớn, trở thành nguồn năng lượng tích cực để động viên, khơi dậy tinh thần đấu tranh, ý chí bảo vệ dân tộc, bảo vệ tình

yêu của chính mình trong những năm tháng kháng chiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu, *Đại cương Ngôn ngữ học - Tập 2 Ngữ dụng học* (tái bản lần thứ 4), Nxb. Giáo dục Hà Nội, 2009.
- [2] G. Brown, Yule, *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuần dịch), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.
- [3] Nguyễn Thiện Giáp, *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.
- [4] M.A.K. Halliday, *Dẫn luận ngữ pháp chức năng* (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.
- [5] Trần Bình Tuyên, *Văn chính luận Hồ Chí Minh - từ góc nhìn Lý thuyết phân tích diễn ngôn*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 2017.

⇒ Tiếp theo trang 114 (VỀ ÁNH XẠ NGUỒN - ĐÍCH TRONG DIỄN NGÔN...)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Xuân Hồng, *Về một hướng nghiên cứu diễn ngôn chính trị tiếng Việt*, Tạp chí Khoa học - Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 14, 2017.
- [2] Nguyễn Xuân Hồng, *Án dụ ý niệm trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt và tiếng Anh*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Những vấn đề ngôn ngữ học ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
- [3] Nguyễn Xuân Hồng, *Về một số miền ý niệm nguồn trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt*, *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 8, 2019.
- [4] Trịnh Sâm, *Phong cách ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận*, *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 1 & 2, 2013.
- [5] Trịnh Sâm, *Án dụ ý niệm và những vấn đề còn lại*, *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 12, 2016.

- [6] Kövecses Z., *Metaphor in Culture Universality and Variation*, Cambridge: Cambridge University Press, 2005.
- [7] Kövecses, Z., *Metaphor: A Practical Introduction* (2nd Ed.), Oxford: Oxford University Press, 2010.
- [8] Lakoff G. and Johnson, M., *Metaphors We Live By*. Chicago: The University of Chicago Press, 1980, 2003.
- [9] Trịnh Sâm, *Cognitive Models and Culture Interaction in Thomas Engelbert (Editor)*, Vietnamese studies in Vietnam and Germany, New Contributions to Vietnamese linguistics, publikationen Der, Hamufer Vietnamistic, p.207-30, 2019.
- [10] Van Dijk T. A., *What is Political Discourse Analysis?* Belgian Journal of Linguistics, vol 11, p.11-52, 1997.